TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 9 năm 2023
V/v "Tranh chấp Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Năng

2. Bà Mai Thị Thu Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 167/2023/TLST-HNGĐ ngày 5/6/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 180/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Chúc N, sinh năm 1993. Vắng mặt – có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ B, ấp I, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh Trần Minh L, sinh năm 1993. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ D, ấp H (nay là H), xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2023 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Phan Chúc N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Trần Minh L do quen biết sau đó tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V ngày 23/02/2017. Hôn nhân lần thứ nhất của cả hai. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L không quan tâm, chăm lo cho gia đình, bỏ bê vợ con, cả hai đã nhiều lần ngồi xuống hòa giải nhưng

không được nên chị đã về nhà mẹ ở từ tháng 5/2019 cho đến nay. Qúa trình chị nộp đơn ly hôn cho đến nay anh L có biết nhưng cũng không đến thăm con, không có động thái sửa đổi, hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ lo cho con chung. Do đó, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc nên tôi yêu cầu ly hôn anh L.

-Về con chung: anh chị 01 con chung Trần Minh T, sinh ngày 21/4/2013, hiện con chung đang chung sống với chị, do con cũng có nguyện vọng được chung sống với mẹ nên chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị N vắng mặt - có đơn xin vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Minh L mặc dù đã được tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu của chị N. Tại phiên tòa, anh L tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Văn bản tố tụng tống đạt đúng quy định tại Điều 175, 177, 179 BLTTDS. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Toàn bộ quá trình tố tụng giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh L không thực hiện quyền cũng như không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Chúc N theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị N và anh L có 01 con chung Trần Minh T, sinh ngày 21/4/2013. Hiện con chung sống với chị N, chị N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Nhận thấy cháu T cũng có nguyện vọng được chung sống với mẹ. Do đó, để bảo đảm về mọi mặt cho cháu đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Chị N trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu anh L cấp dưỡng, nên không xét đến.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Phan Chúc N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Minh L, tranh chấp giữa chị N và anh L là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh L có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống trên địa bàn huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Phan Chúc N có đơn xin vắng mặt. Bị đơn anh Trần Minh L mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh L vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2, không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Phan Chúc N, anh Trần Minh L.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Chúc N và anh Trần Minh L tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V ngày 23/02/2017, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến yêu cầu ly hôn theo chị N trình bày do anh L không quan tâm, chăm lo cho gia đình, bỏ bê vợ con, chúng tôi đã nhiều lần ngồi xuống hòa giải nhưng không được nên tôi đã về nhà mẹ ở từ tháng 5/2019. Nay chị nhận thấy không thể hàn gắn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn anh L.

[2.2]. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quan hệ hôn nhân vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tin tưởng nhau và chia sẻ những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc. Giữa nguyên đơn, bị đơn tiến đến hôn nhân xuất phát từ tình cảm yêu thương nhưng khi đã thành vợ chồng thì cả hai không xây dựng gia đình hạnh phúc. Mặc dù được hòa giải, động viên nhưng chị N không đồng ý tạo thêm cơ hội hàn gắn mà vẫn kiên quyết ly hôn.

Anh Trần Minh L mặc dù biết chị N xin ly hôn nhưng không gửi cho tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện của chị N, cũng không đến tham gia hòa giải để vợ chồng có thể hàn gắn. Như vậy, cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị trong cuộc sống hôn nhân đã kéo dài một thời gian, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Chúc N.

[2.3]. Về con chung: Anh chị có một con chung: Trần Minh T, sinh ngày 21/4/2013. Hiện con chung sống với chị N, bản thân cháu T cũng có nguyện vọng được chung sống với chị N.

Xét thấy, để ổn định về mọi mặt của cháu T, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận giao quyền cho chị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định của pháp luật, bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nuôi. Chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Phan Chúc N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trần Minh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con không cố định.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, phía bị đơn anh L vắng mặt không gửi ý kiến, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này chị N và anh L có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Chị Phan Chúc N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Chúc N được ly hôn với anh Trần Minh L.

2. Về con chung: Chị Phan Chúc N và anh Trần Minh L có 01 (một) con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 21/4/2013.

Chị Phan Chúc N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Minh T, sinh ngày 21/4/2013.

Anh Trần Minh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Phan Chúc N không có yêu cầu.

Chị Phan Chúc N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trần Minh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con không cố định.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Phan Chúc N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004315 ngày 05/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Chúc N, anh Trần Minh L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự " Để thi hành";
- VKSND.H Châu Thành
- TAND.tỉnh An Giang;
- Lưu: hồ sơ;VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Xuân Bích